TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/DS-ST
Ngày 18/8/2025
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Kiểu

Ông Phạm Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang: không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Minh D, sinh năm 1987

Số cccd: 091087020126

Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh A.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Thanh H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh A.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1976. CCCD: 089076008974

Bà Bà Lê Thị Tr, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh A.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Đoàn Minh D trình bày như sau:*

Từ năm 2009 đến năm 2015 ông T có nhiều lần đến mua vật tư nông nghiệp của ông để về sản xuất nông nghiệp.

Tính đến ngày 12/4/2023, ông T còn nợ số tiền phân là 115.108.000 đồng. Từ đó đến nay ông nhiều lần liên hệ và tìm đến đòi như ông T không trả thêm đồng nào.

Nay ông Đoàn Minh D yêu cầu ông Trần Văn T và vợ là bà Lê Thị Tr có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền gốc 115.108.000 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán 10%/năm của số tiền 115.108.000₫, tính từ ngày 12/5/2023 đến ngày 12/5/2025 là 2 năm tương đương 23.021.600₫. Gốc cộng lãi: 115.108000₫ + 23.021.600₫ = 138.129.600 đồng (*một trăm ba mươi tám triệu một trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng*).

** Bị đơn ông Trần Văn T trình bày:*

Ông thừa nhận có thiếu tiền phân của ông D số tiền 115.108.000 đồng.

Do làm ăn bị lỗ lã và phải lo điều trị bệnh cho cha nên giờ ông không có khả năng trả 1 lần cho ông D. Nay ông T xin trả dần mỗi vụ 20.000.000 đồng và xin ông D bỏ tiền lãi vì ông không có khả năng trả lãi, gia đình cũng khó khăn.

Vợ ông tên Lê Thị Tr có biết việc gia đình thiếu tiền phân của ông D và có biết việc ông D khởi kiện nhưng do bận nên bà không đến toà án được.

** Tại phiên tòa:*

Ông Bùi Thanh H – người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn ông Trần Văn T và bà Lê Thị Tr đã được triệu tập 02 lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử giải quyết vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy:

Từ năm 2009-2015, ông Trần Văn T có nhiều lần mua vật tư nông nghiệp của ông Đoàn Minh D. Trong thời gian mua phân, ông T có trả nhiều lần, đến ngày 12/4/2023 còn nợ lại 115.108.000₫. Từ khi xác nhận nợ đến nay, ông T không trả cho ông D thêm được lần nào. Tại phiên hoà giải ngày 18/7/2025, ông T thừa nhận

ông còn nợ ông D số tiền phân bón 115.108.000 đồng nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Như vậy việc ông T mua phân nhưng không thanh toán hết tiền phân cho ông D là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D nên yêu cầu khởi kiện của Dương có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

Xét trách nhiệm liên đới của bà Lê Thị Tr: Mặc dù bà Tr không trực tiếp thực hiện các giao dịch mua bán phân với ông D, tuy nhiên ông T mua phân bón về phục vụ cho việc canh tác, sản xuất lúa chung của gia đình nên cần xác định đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình nên bà Tr có trách nhiệm cùng với ông T trả nợ cho ông D là phù hợp.

Xét về lãi suất: Do ông T, bà Tr vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 3 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Ông D yêu cầu ông T, bà Tr phải chịu lãi suất chậm trả 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận. Cụ thể lãi suất là: 115.108.000 đ x 10%/năm x 02 năm = 23.021.600 đồng (nguyên đơn yêu cầu tính từ 12/5/2023 đến ngày 12/5/2025)

Tổng cộng gốc và lãi là: 115.108.000 ₫ + 23.021.600 ₫ = 138.129.600 đồng.

Từ những cơ sở trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Bị đơn ông T, bà Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

- Ông Đoàn Minh D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Minh D.

Buộc ông Trần Văn T, bà Lê Thị Tr có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đoàn Minh D số tiền gốc và lãi là 138.129.600 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu, một trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Trần Văn T, bà Lê Thị Tr phải chịu án phí DSST có giá ngạch trên số tiền buộc trả là 6.906.000 đồng (Sáu triệu, chín trăm linh sáu nghìn đồng).

- Ông Đoàn Minh D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 3.453.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015957 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là Cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang).

3. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 4;
- Cơ quanTHADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc